

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 137/2024/DS-ST
Ngày: 20-8-2024
V/v tranh chấp về hợp đồng vay
tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Thị Đào.
- Bà Trần Ánh Nhạn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huỳnh Mai – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đan Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 547/2023/TLST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp về hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 142/2024/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa xét xử sơ thẩm số 71A/QĐST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị C, sinh năm: 1975.

Địa chỉ: Ấp S, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện theo ủy quyền của chị C là anh Nguyễn Hữu T, sinh năm: 1973. Địa chỉ: C T, Phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh. (theo hợp đồng ủy quyền ngày 23/4/2024). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Lâm Văn L, sinh năm: 1983. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Chị Nguyễn Thị L1, sinh năm: 1981. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/9/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị [Lê Thị C](#) và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh [Nguyễn Hữu T](#) trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết với nhau nên chị [C](#) có cho vợ chồng anh [Lâm Văn L](#) và chị [Nguyễn Thị L1](#) mượn tiền nhiều lần với tổng số tiền là 1.500.000.000 (Một tỷ năm trăm triệu) đồng. Đến ngày 04/3/2023 anh [L](#) có làm giấy tay chốt nợ với chị [C](#) do anh [L](#) tự ký tên trên giấy. Mục đích mượn là xoay sở công việc làm ăn, khi vay hai bên tự thỏa thuận lãi suất, nhưng từ khi vay đến nay anh [L](#) và chị [L1](#) chưa trả cho chị [C](#) khoản tiền gốc lãi nào, chị [C](#) có đến nhà đòi nhiều lần nhưng anh [L](#) và chị [L1](#) vẫn không trả. Hiện tại chị [L1](#) và anh [L](#) đang sống chung trong thời kỳ hôn nhân và việc vay mượn này anh [L](#) và chị [L1](#) điều biết. Do đó, anh đại diện theo ủy quyền của chị [C](#) yêu cầu anh [L](#) và chị [L1](#) cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho chị [C](#) số tiền vay còn nợ là 1.500.000.000 (Một tỷ năm trăm triệu) đồng và không yêu cầu anh chị trả tiền lãi.

Ngoài ra, chị [C](#) không yêu cầu gì khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh [Lâm Văn L](#) trình bày:

Anh thống nhất theo yêu cầu của chị [C](#). Do có mối quan hệ bạn bè với nhau nên anh có mượn tiền của chị [C](#) nhiều lần, nhưng vào thời gian nào anh không nhớ. Đến ngày 04/3/2023 anh và chị [C](#) có làm giấy chốt nợ, hiện anh còn nợ chị [C](#) tổng số tiền là 1.500.000.000 (Một tỷ năm trăm triệu) đồng, mục đích anh mượn là xoay sở việc làm ăn của gia đình, khi mượn hai bên tự thỏa thuận lãi suất là 5.000.000/100.000.000 đồng. Anh có đóng lãi nhiều lần cho chị [C](#) nhưng anh không nhớ là đóng bao nhiêu và anh cũng không có giấy tờ gì chứng minh cho việc anh đã đóng lãi cho chị [C](#). Nay chị [C](#) yêu cầu anh và vợ anh là [Nguyễn Thị L1](#) cùng có trách nhiệm trả thì anh cũng đồng ý theo yêu cầu của chị [C](#), nhưng đây là tiền anh tự mượn của chị [C](#) nên anh không yêu cầu vợ anh là chị [L1](#) cùng có trách nhiệm trả, một mình anh sẽ chịu trách nhiệm trả số tiền còn nợ cho chị [C](#). Ngoài ra, anh không yêu cầu gì khác.

Đối với bị đơn, chị [Nguyễn Thị L1](#):

Chị không thống nhất theo yêu cầu của chị [C](#). Vì việc vay mượn tiền này là do anh [L](#) và chị [C](#) tự vay mượn với nhau, khi chị [C](#) cho anh [L](#) mượn tiền chị hoàn toàn không biết. Nên nay chị không đồng ý theo yêu cầu của chị [C](#). Ngoài ra, chị không yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử: Thẩm phán, thư ký thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị [Lê Thị C](#) do anh [Nguyễn Hữu T](#) là người đại diện theo ủy quyền có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn là anh [Lâm Văn L](#) có đơn xin xét xử vắng mặt và chị

Nguyễn Thị L1 đã được tổng đạt giấy triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T, anh L và chị L1 là đúng theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu chưa thấy vấn đề vi phạm tố tụng nên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các điều 463, 466, của Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị C đối với anh Lâm Văn L và chị Nguyễn Thị L1. Buộc anh Lâm Văn L và chị Nguyễn Thị L1 cùng có trách nhiệm liên đới trả cho chị C số tiền 1.500.000.000 (Một tỷ năm trăm triệu) đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến trình bày của đương sự, phát biểu của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị C khởi kiện anh Lâm Văn L và chị Nguyễn Thị L1 trả số tiền vay còn nợ nên quan hệ pháp luật được Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Anh Lâm Văn L và chị Nguyễn Thị L1 có địa chỉ cư trú tại huyện G, tỉnh Tây Ninh nên Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Hữu T là đại diện theo ủy quyền của chị Lê Thị C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Lâm Văn L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Nguyễn Thị L1 được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T, anh L và chị L1 theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

Chị C yêu cầu anh L và chị L1 cùng có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay là 1.500.000.000 đồng. Lý do chị C yêu cầu như trên là vì chị C có cho anh L và chị L1 mượn tiền nhiều lần và đến ngày 04/3/2023 anh L có làm giấy tay chốt nợ với chị C do anh L tự ký tên trên giấy, và từ ngày chốt nợ cho đến nay vợ chồng anh L và chị L1 chưa trả cho chị khoản tiền gốc lãi nào. Do anh L và chị L1 đang sống chung trong thời kỳ hôn nhân, và chị L1 cũng biết việc anh L vay tiền của chị. Vì vậy, chị C khởi kiện yêu cầu anh L và chị L1 cùng có nghĩa vụ trả cho chị số tiền còn nợ là 1.500.000.000 (Một tỷ năm trăm triệu) đồng, chị không yêu cầu trả lãi

Trong quá trình làm việc, anh L cũng thừa nhận có nợ và đồng ý trả số tiền vay như yêu cầu của chị C. Nhưng việc vay mượn này là do một mình anh mượn của chị C, vợ anh là chị L1 không biết, nên nay anh không yêu cầu chị L1 cùng có nghĩa vụ trả, một mình anh sẽ chịu trách nhiệm trả số tiền này cho chị C.

Đối với chị [Nguyễn Thị L1](#), chị [L1](#) không đồng ý theo yêu cầu của chị [C](#) vì chị cho rằng việc vay tiền này chị không biết, đây là nợ riêng của anh [L](#).

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của chị [C](#) thì thấy rằng: Hợp đồng vay tài sản giữa chị [C](#) và anh [L](#) là hợp đồng vay không có kỳ hạn, không lãi suất. Vào thời điểm chốt nợ thì anh [L](#) là người có đủ năng lực hành vi dân sự. Trong quá trình làm việc anh [L](#) cũng thừa nhận anh còn nợ chị [C](#) số tiền là 1.500.000.000 (Một tỷ năm trăm triệu) đồng. Nên căn cứ theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định việc này là có cơ sở chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu của chị [C](#) về việc yêu cầu chị [L1](#) cùng có nghĩa vụ liên đới chịu trách nhiệm trả nợ chung là có cơ sở chấp nhận. Vì xét tại thời điểm vay tiền cho đến nay chị [L1](#) và anh [L](#) đang sống trong thời kỳ hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Do đó, chị [L1](#) phải chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do anh [L](#) thực hiện là phù hợp theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình.

Từ những phân tích như trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị [Lê Thị C](#). Buộc anh [Lâm Văn L](#) và chị [Nguyễn Thị L1](#) cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho chị [C](#) số tiền vay còn nợ là 1.500.000.000 (Một tỷ năm trăm triệu) đồng là phù hợp với các điều 288, 463, 466 của Bộ luật Dân sự. Ghi nhận chị [C](#) không yêu cầu trả lãi

Đối với tiền lãi kể từ ngày 21-8-2024 cho đến khi thi hành án xong được thực hiện theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

[5] Từ những nhận định trên xét thấy toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát [huyện G, tỉnh Tây Ninh](#) là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Do toàn bộ yêu cầu của chị [C](#) được Tòa án chấp nhận nên anh [L](#) và chị [L1](#) phải liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 26, 147 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 288, 463, 466 của Bộ luật Dân sự; các điều 27, 30 và 37 của Luật Hôn nhân và gia đình và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị [Lê Thị C](#) đối với anh [Lâm Văn L](#) và chị [Nguyễn Thị L1](#) về việc “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”.

Buộc anh [Lâm Văn L](#) và chị [Nguyễn Thị L1](#) có nghĩa vụ liên đới trả cho chị [Lê Thị C](#) số tiền 1.500.000.000 (Một tỷ năm trăm triệu) đồng. Ghi nhận chị [C](#) không yêu cầu tính lãi suất.

Kể từ ngày 21-8-2024 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Lâm Văn L và chị Nguyễn Thị L1 có nghĩa vụ liên đới chịu 57.000.000 (Năm mươi bảy triệu) đồng.

Hoàn trả lại cho chị Lê Thị C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 28.500.000 (Hai mươi tám triệu năm trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0013515 ngày 26-12-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu.

3. Quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Quyền yêu cầu thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Vân

